

Bản án số: 03/2019/HS-PT

Ngày: 17-01-2019.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Phương

Bà Trần Thị Nhài

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thúy Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bá Sơn; bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 16 và 17 tháng 01 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 167/2018/TLPT-HS ngày 14/10/2018, đối với các bị cáo Phạm Văn A, Trương N B, Lê Văn C, Trình Văn Ch, Trình Văn Cg, Liễu Văn H, Bùi Đức H1, Trần Trung H2, Đặng Văn H3, Trình Văn L, Trần Văn M, Trần Anh N, Trần Văn Nh, Lục Văn P, Lê Thanh T, Lê Văn T1, Dương Lương T2, Nguyễn Văn T3, Lê Văn T4, Lê Thanh T5, Nguyễn Văn T6 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án Hình sự sơ thẩm số 56/2018/HS-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

* Các bị cáo kháng cáo:

1. Phạm Văn A, sinh ngày 21/5/1989; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Sán đìu; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B, sinh năm 1964 và bà Chu Thị B1, sinh năm 1967; có vợ là Thạch Thị N, sinh năm 1990 và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 12/9/2008, Phạm Văn A có hành vi gây rối trật tự công cộng, bị Công an huyện ĐT xử phạt hành C 1.500.000đ theo quyết định số 151/QĐ-XPHC ngày 15/10/2008; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Trương Ngọc B, sinh ngày 11/4/1972; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Sán Đìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Ngọc L1 (đã chết); và bà Ân Thị

Ng, sinh năm 1951; có vợ là Diệp Thị H1, sinh năm 1972 và có 03 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Lê Văn C, sinh ngày 05/01/1975; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm Đ1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Sán đù; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức L1, sinh năm 1947; và bà Lưu Thị Man, sinh năm 1950; có vợ là Mạc Thị Thanh Th, sinh năm 1984 và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Trình Văn Ch, sinh ngày 23/4/1983; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Sán đù; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trình Văn Tr, sinh năm 1959 và bà Trương Thị T, sinh năm 1960; có vợ là Lương Thị B, sinh năm 1987 và có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

5. Trình Văn Cg, sinh ngày 29/4/1985; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Sán đù; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trình Văn C, sinh năm 1961 và bà Hoàng Thị Gi, sinh năm 1959; có vợ là Phạm Thị Tt, sinh năm 1990 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

6. Liễu Văn H, sinh ngày 22/3/1978; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Sán đù; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Liễu Đức T, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1952; có vợ là Mâu Thị D, sinh năm 1984 và có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

7. Bùi Đức H1, sinh ngày 26/12/1983; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Sán đù; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức N, sinh năm 1955 và bà Mạc Thị M, sinh năm 1955; có vợ là Diệp Thị Hh, sinh năm 1985 và có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

8. Trần Trung H2, sinh ngày 11/3/1985; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Sán đìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Ch (đã chết) và bà Lưu Thị B, sinh năm 1955; có vợ là Trần Thị M, sinh năm 1982 và có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

9. Đặng Văn H3, sinh ngày 22/2/1994; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Sán đìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Th, sinh năm 1959 và bà Chu Thị N, sinh năm 1962; chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

10. Trình Văn L, sinh ngày 01/9/1973; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Sán Đìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân Th, sinh năm 1953 và bà Mâu Thị Hồi, sinh năm 1954; có vợ là Trần Thị Hg, sinh năm 1974 và có 03 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

11. Trần Văn M, sinh ngày 18/11/1997; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Ng, sinh năm 1968 và bà Bùi Thị Tr, sinh năm 1978; chưa có vợ; tại phiên tòa phúc thẩm KH mới cưới vợ là Ngô Kim Ch; chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

12. Trần Anh N, sinh ngày 25/12/1992; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính : Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1965; có vợ là Vương Thị Tr, sinh năm 1994 và có 01 con sinh năm 2013, tại phiên tòa phúc thẩm khai vợ mới sinh thêm 01 con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 31/2011/HSPT ngày 21/3/2011 của TAND tỉnh Thái Nguyên xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 58 tháng về tội “Cướp tài sản”; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

13. Trần Văn Nh, sinh ngày 22/12/1982; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S, sinh năm 1954 và bà Mậu Thị N, sinh năm 1956; có vợ là Trần Tiến A, sinh năm 1986 và có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

14. Lục Văn P, sinh ngày 17/11/1981; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục Văn TH (đã chết) và bà Đặng Thị L, sinh năm 1953; có vợ là Trần Thị H, sinh năm 1986 và có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

15. Lê Thanh T, sinh ngày 04/6/1999; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1971 và bà Đặng Thị Ng, sinh năm 1975; chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

16. Lê Văn T1, sinh ngày 01/10/1991; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính : Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh Ph, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; có vợ là Trần Thị L, sinh năm 1993 và có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

17. Dương Lương T2, sinh ngày 26/3/1985; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Thành, sinh năm 1956 và bà Lưu Thị M, sinh năm 1959; có vợ là Trình Thị Ng, sinh năm 1985 và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

18. Nguyễn Văn T3, sinh ngày 28/7/1984; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giưới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1954; và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1955; có vợ Nguyễn Thị Diễm (đã ly hôn) 01 con sinh năm

2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

19. Lê Văn T4, sinh ngày 23/5/1996; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Huân, sinh năm 1970 và bà Đặng Thị Thanh, sinh năm 1970; có vợ là Vũ Thị Thanh, sinh năm 1999 và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

20. Lê Thanh T5, sinh ngày 20/10/1992; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang Th, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; có vợ là Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1998; chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

21. Nguyễn Văn T6, sinh ngày 20/9/1980; tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1955; có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Nh do bị cáo nhờ: Ông Lê Quang N, ông Nguyễn Công Q luật sư văn phòng luật sư AT đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn A và Đặng Văn H do H bị cáo nhờ: Bà Nguyễn Thị NA luật sư văn phòng luật sư Minh Bạch quốc tế, đoàn luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt).

* Ngoài ra còn có 19 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

* Người bị hại không kháng cáo:

Ông Lục Xuân T7, sinh năm 1964 – Công an huyện ĐT (có mặt).

Trú tại: Xóm C, xã KP, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

*Người có quyền L nghĩa vụ liên quan không kháng cáo: có 13 người không kháng cáo.

* Người làm chứng: Ông Chu Phú B, sinh năm 1971

(có mặt ngày 16 /01/2019 xin vắng mặt ngày 17/01/2019)

Trú tại: Xóm LN, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Công ty thAK Hòa – VVMI Chi nhánh Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – VINACOMIN có trụ sở trên địa bàn xóm Cao Sơn 1, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Công ty đang tiến hành việc khai thác than trên địa bàn một số xã thuộc thành phố Thái Nguyên và huyện ĐT trong nhiều năm qua. Để mở rộng việc sản xuất KH thác than, Công ty đã có chủ trương xin ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền về việc xin thuê đất tại xã AK, huyện ĐT để mở rộng bãi thải Tây. Việc đền bù giải phóng mặt bằng mở rộng bãi thải Tây của Công ty than Khánh Hòa trên địa bàn xã AK đã được cơ quan chức năng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Công ty than Khánh Hòa đã chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân thành 8 đợt theo đúng giá trị đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện ĐT phê duyệt phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 05/12/2014, UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 2824/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, cho Công ty than Khánh Hòa VVMI thuê đất để mở rộng bãi thải Tây tại huyện ĐT với tổng diện tích là: 513.286,8m² (trong đó có cả diện tích đất giao thông là đường dân sinh đi qua cánh đồng xóm N1). Ngày 08/7/2016, UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành công văn số 2300/UBND-CNN về việc giải quyết đóng đường dân sinh qua bãi thải Tây để phục vụ sản xuất của Công ty than Khánh Hòa-VVMI. Trên cơ sở các quyết định đó Công ty đã hoàn tất thủ tục về việc bồi thường, hỗ trợ những hộ dân theo quy định, để thay thế đoạn đường dân sinh qua cánh đồng xóm N1 được nhà nước thu hồi; mở rộng bãi thải Tây, Công ty than Khánh Hòa đã thi công hoàn thiện tuyến đường tránh khác cho người dân đi lại được thuận tiện, an toàn. Mặc dù đã được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng những hộ dân vẫn lấy lý do đơn giá bồi thường chưa thỏa đáng, đường mới xa hơn và mất an toàn, đi lại khó khăn nên một số hộ dân chủ yếu là các hộ dân xóm N1, xã AK đã có hành vi cản trở việc sản xuất của Công ty không cho đổ thải, cố tình đi lại qua đoạn đường dân sinh cũ tạo áp lực ngăn cản không cho Công ty đổ thải dẫn đến thiệt hại cho Công ty như: Hoạt động sản xuất bị đình trệ, công nhân thiếu việc làm.

Từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 7 năm 2017, Lãnh đạo tỉnh Thái Nguyên, huyện ĐT, xã AK và Công ty than Khánh Hòa đã tổ chức nhiều cuộc đối thoại với các hộ dân để tuyên truyền vận động, giải thích giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện dự án bãi thải Tây của Mỏ than Khánh Hòa. Tuy nhiên, các cuộc đối thoại không đi đến thống nhất được; các hộ dân tiếp tục có hành vi cản trở hoạt động của Công ty như: Tụ tập đông người, dựng lều trái pháp luật tại khu vực bãi thải Tây; chặn các xe đổ thải của Công ty. Xét thấy tình hình an ninh, C trị tại xóm N1, xã AK, có tính chất phức tạp, đồng thời ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty than Khánh Hòa. Ngày 05/6/2017 UBND huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên đã họp triển khai thông báo kết luận số 91/TB-

UBND ngày 30/5/2017 của đồng chí Phó chủ tịch UBND tỉnh Đoàn Văn T4 tại hội nghị đối thoại, giải quyết các nội dung liên quan đến tuyến đường dân sinh qua bãi thải Tây của Công ty than Khánh Hòa- VVMI, trong đó tại mục 4 có nội dung giao cho UBND huyện DT “Xây dựng kế hoạch triển khai các phương án đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình Công ty than Khánh Hòa đóng đường dân sinh qua bãi thải Tây để phục vụ sản xuất theo quy định của pháp luật”. Trên cơ sở kết luận trên UBND huyện DT đã xây dựng kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 10/7/2017, về việc đảm B an ninh, trật tự để đóng tuyến đường dân sinh qua bãi thải Tây của Công ty than Khánh Hòa- VVMI trong đó tại mục 4 có nội dung giao cho Công an huyện DT “Chủ trì, phối hợp với phòng KT&HT, UBND xã AK, Công ty than Khánh Hòa và các ngành có liên quan xây dựng kế hoạch chi tiết, bố trí lực lượng của đơn vị, công an xã đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình thi công đóng tuyến đường. Lập phương án cụ thể báo cáo Công an tỉnh để xin tăng cường lực lượng”. Thực hiện kế hoạch trên Công an huyện DT đã xây dựng kế hoạch số 204/KH-CAĐT ngày 14/8/2017 về việc phân công lực lượng phối hợp bảo đảm an ninh trật tự đóng đường dân sinh cũ qua bãi thải Tây, Mỏ than Khánh Hòa và thi công hàng rào bao quanh khu vực bãi thải Tây. Kế hoạch trên đã được đồng chí Giám đốc Công an tỉnh Thái Nguyên phê duyệt và trực tiếp chỉ đạo thực hiện. Theo kế hoạch, tổng số lực lượng tham gia là 1.069 đồng chí, lực lượng, phương tiện được phân công, bố trí gồm 11 tổ công tác, các tổ công tác đều có danh sách lực lượng chức năng kèm theo và làm nhiệm vụ ở nhiều vị trí khác nhau.

Đến khoảng 04^h30’ ngày 16/8/2017, lực lượng Công an huyện DT phối hợp với các phòng, ban của huyện DT, xã AK và các lực lượng nghiệp vụ của Công an tỉnh Thái Nguyên đã triển khai thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch số 204/KH-CAĐT đã được phê duyệt. Đến khoảng 5^h00’ cùng ngày thì lực lượng chức năng đều mặc trang phục ngành mang theo công cụ nghiệp vụ theo quy định di chuyển đến khu vực bãi thải Tây (từ phía cầu sắt thuộc xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương đi vào trung tâm bãi thải Tây) có khoảng 20 người dân gồm nam và nữ đã có mặt ở đó ném đá vào lực lượng chức năng, ngăn không cho lực lượng chức năng di chuyển vào phía trung tâm bãi thải. Lực lượng chức năng đã dùng loa tuyên truyền, yêu cầu người dân không có nhiệm vụ ra khỏi khu vực lực lượng đang làm nhiệm vụ, không có lời nói, hành động vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, những người này vẫn tiếp tục ném đá, ném bao tải có chứa ong độc vào lực lượng Công an. Lúc này đồng chí Hà Thanh S, sinh năm 1988; Công tác tại Công an huyện DT đang làm nhiệm vụ tại khu vực đó đã bị ong đốt và bị một viên đá ném trúng đầu gây thương tích phải đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện. Đồng chí Ngô Tiến S, sinh năm 1987; Công tác tại Phòng PK 20- Công an tỉnh Thái Nguyên bị một số đối tượng nam xịt hơi cay vào mặt. Nhằm thực hiện nhiệm vụ lực lượng công an đã khống chế và đưa 10 đối tượng gồm: Trần Văn C1, Thân

Văn H3 (H); Trần Văn L1; Trịnh Thị S1; Đinh Quang Tr; Chu Thị N1; Nguyễn Văn Q; Bùi Thị Q1; Lê Thị T7; Dương Thị T8, có hành vi chống đối, lãng mạ lực lượng công an về làm việc. Sau đó, tại vị trí này không còn sự chống đối của người dân nữa.

Cùng lúc này khoảng 05^h00' cùng ngày, lực lượng công an của tổ số 1 cũng tiếp cận đoạn đường dân sinh từ cống thoát nước suối xóm N1 đến đường rẽ vào Chùa xóm N1. Khi tiến vào thì tại vị trí này cũng có rất nhiều người dân đang đứng trong đó có Trần Văn Nh, Phạm Văn A, Nguyễn Xuân S, Trịnh Hồng S, Lê Thanh T, Nguyễn Văn Cg, Trịnh Văn Cg, Trương N B, Lê Văn C, Phạm Trung Hiến, Đặng Hồng K, Trịnh Văn L, Trần Anh N, Lê Văn Nh, Đặng Văn Th, Lê Văn T4, Nguyễn Văn T6, Bùi Đức H1, Đặng Hồng Kh, Trần Văn M đã dùng gạch đá ném nhiều nhất tấn công vào lực lượng công an. Lực lượng Công an đã lập hàng rào chặn, dùng loa tuyên truyền, yêu cầu đi ra ngoài khu vực lực lượng Công an đang làm nhiệm vụ. Tuy nhiên các bị cáo trên vẫn tiếp tục nhặt gạch đá ở ven đường ném vào lực lượng gây thương tích cho nhiều đồng chí. Ngoài ra bị cáo Trần Anh N còn có hành vi nhặt chai xăng ở đường châm lửa ném vào lực lượng Công an đang làm nhiệm vụ. Dẫn đến đồng chí Dương Văn D, sinh năm 1998; Công tác tại: Phòng PK 20, Công an tỉnh Thái Nguyên, bị đá ném trúng vào trán; đồng chí Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1991, công tác tại Công an huyện ĐT bị ném gạch vào gò má phải; đồng chí Phan Thanh H, sinh năm 1994, công tác tại: Phòng PK 20, Công an tỉnh Thái Nguyên bị ném vào đầu gối gây thương tích rách da, chảy máu và sưng nề.

Đến khoảng 06^h30' cùng ngày, đồng chí Lục Xuân T7, sinh năm 1964, cán bộ Công an huyện ĐT, được phân công tham gia tại tổ số 10. Trong khi hóa trang thực hiện nhiệm vụ nắm bắt tình hình tại khu vực nhà văn hóa xóm N1 thì bị một số đối tượng quá khích bắt giữ, đánh đập gây thương tích và dùng dây thừng trói tay đưa vào nhà văn hóa xóm N1. Tại đây nhiều đối tượng đã gây sức ép yêu cầu ông Chu Phú B1 (trưởng xóm N1) phải mở cửa nhà văn hóa. Sau đó tiếp tục yêu cầu ông mở cửa nhà để xe tang, sau khi mở cửa nhà để xe tang thì Trần Văn Nh cũng đi đến gặp ông B1 yêu cầu ông B1 đưa chìa khóa nhà để xe tang cho Nh nên ông B1 đã đưa chìa khóa cho Nh. Sau khi lấy được chìa khóa Nh đã khóa cửa nhà để xe tang lại, nhốt ông T7 vào trong còn chìa khóa Nh cất vào trong Túi quần.

Khoảng 7 giờ cùng ngày khi nhận được thông tin đồng chí T7 bị người dân bắt giữ, đánh đập. Lãnh đạo Công an tỉnh đã chỉ đạo đồng chí Nguyễn Văn G – Trưởng Công an huyện ĐT tập hợp một tổ cơ động và lấy quân số của một số tổ khác (đều là lực lượng Công an đang thi hành nhiệm vụ) để tiến hành việc giải cứu đồng chí T7. Sau đó, lực lượng Công an theo sự chỉ đạo của đồng chí Giáp tiến vào khu vực nhà văn hóa xóm N1, khi thấy lực lượng Công an tiến vào Nhà văn hóa xóm N1, nhiều người dân trong đó có: Bùi Văn Ph, Trịnh Văn Ch,

Liều Văn H, Trần Trung H2, Đặng Hồng Kh, Lê Văn C, Phạm Xuân L, Nguyễn Thị M, Lê Xuân Ngh, Lê Văn Nh, Đặng Văn Th, Trình Văn T, Lê Văn T4, Nguyễn Văn T6, Lê Văn Q, Nguyễn Xuân S, Trình Văn Cg, Phạm Trung Hiến, Trương Ngọc B, Trần Văn Th, Đặng Hồng K, Trình Văn L, Trần Văn M, Đặng Văn Th, Lê Thanh T5 tiếp tục nhặt đá ở ven đường ném nhiều nhất vào lực lượng Công an, riêng Trình Văn Ch mang theo bật cao su bắn nhiều đá vào lực lượng công an. Để giải tán đám đông lực lượng Công an đã dùng quả nổ nghiệp vụ, tuy nhiên các đối tượng vẫn có hành vi ném gạch vào lực lượng Công an để chống đối, dẫn đến một số đồng chí bị thương tích cụ thể: Đồng chí Đặng Văn Kh, sinh năm 1963 – Phó Giám đốc Công an tỉnh Thái Nguyên bị ném đá vào vùng má phải; đồng chí Nguyễn Văn G, sinh năm 1974, Trưởng công an huyện ĐT bị ném đá vào vùng mặt và đùi trái; đồng chí Lê Xuân T6, sinh năm 1979, Phó trưởng phòng PC45 Công an tỉnh Thái Nguyên bị ném đá trúng vào vùng mặt; đồng chí Nguyễn Quốc T7, sinh năm 1974, Công tác tại Công an huyện ĐT; đồng chí Vũ T4 Th, sinh năm 1984, công tác tại Công an huyện ĐT; đồng chí Nguyễn Quốc Thế A, sinh năm 1992, công tác tại Công an huyện ĐT, đồng chí Nguyễn B Tr, sinh năm 1993, công tác tại Công an huyện Đồng Hỷ; đồng chí Nguyễn Anh T4, sinh năm 1996, công tác tại Phòng PK 20, Công an tỉnh Thái Nguyên; đồng chí Lê T4 N, sinh năm 1990, công tác tại Phòng PC47, Công an tỉnh Thái Nguyên; đồng chí Trần Văn D, sinh năm 1991, công tác tại phòng PK20, công an tỉnh Thái Nguyên; đồng chí Đặng Đức V, sinh năm 1994, công tác tại Phòng PK 20. Công an tỉnh Thái Nguyên; đồng chí Nguyễn Mạnh A, sinh năm 1995, công tác tại phòng PK20 Công an tỉnh Thái Nguyên bị ném đá nhiều vào người, gây ra các vết thương sưng nề, rách da, chảy máu. Khi lực lượng công an tiến đến sân nhà văn hóa xóm N1 thì người dân bỏ chạy. Lúc này đồng chí Lục Xuân T7 L dụng thời cơ trèo qua phía trên cửa sắt của nhà để xe tang chạy ra ngoài và được mọi người đưa đi điều trị tại Bệnh viện. Trong lúc lực lượng Công an đang ở sân nhà văn hóa xóm N1 thì Đặng Văn H3, Trình Văn Nam cùng một số người dân tiếp tục dùng gạch đá ném vào lực lượng Công an dẫn đến đồng chí Nguyễn Trường Gi, sinh năm 1996, công tác tại phòng PK20, công an tỉnh Thái Nguyên bị thương tích ở vùng sau gáy.

Khoảng 8 giờ cùng ngày sau khi đồng chí T7 bỏ chạy được, lực lượng Công an rút lui khỏi nhà văn hóa xóm N1 để quay lại vị trí ngã ba đường vào Chùa xóm N1 thì một số người dân trong đó có Lục Văn P, Trần Trung H2, Lê Văn C, Lê Văn Th, Trần Văn Th, Trình Văn N, Dương Lương T2, Trình Văn T, Nguyễn Văn T3, Lê Thanh T5, Dương Văn Th, Phạm Trung H tiếp tục đuổi theo dùng gạch đá nhặt ven đường ném nhiều nhất vào lực lượng Công an. Trình Văn Ch dùng bật cao su bắn nhiều đá vào lực lượng Công an, làm nhiều đồng chí bị thương, trong đó đồng chí Nguyễn N T, sinh năm 1991, công tác tại Công an huyện ĐT bị đá ném vào vùng lưng; đồng chí Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1989,

công tác tại công an huyện ĐT bị đá ném vào vùng mặt gây dập mũi và môi trên; đồng chí Nguyễn Đức T, sinh năm 1985, công tác tại Công an huyện ĐT bị đá ném vào vùng khuỷu tay phải và cẳng chân trái; đồng chí Dương Thế Ph, sinh năm 1995, công tác tại phòng PK20, công an tỉnh Thái Nguyên bị đá ném trúng vào vùng ngực và chân trái; đồng chí Ngô Hồng A, sinh năm 1992, công tác tại Công an huyện ĐT bị đá ném trúng vào cổ tay phải; đồng chí Dương Viết Tr, sinh năm 1992, công tác tại phòng PK20, công an tỉnh Thái Nguyên bị đá ném vào vùng ngực và đùi phải; đồng chí Nguyễn Xuân K, sinh năm 1990, công tác tại Công an huyện ĐT bị đá ném vào cẳng chân phải và đầu gối trái gây ra các vết thương rách da, chảy máu và sưng nề.

Khi tổ cơ động rút lui khỏi nhà văn hóa xóm N1, đến khu vực chốt chặn đường dân sinh tại khu vực đường rẽ vào Chùa xóm N1 để tiếp tục B đảm an ninh trật tự cho Công ty than Khánh Hòa thực hiện theo kế hoạch thì Lục Văn P, Trần Thị Sáu, Đặng Văn H3, Phạm Xuân L, Dương Lương T2, Nguyễn Văn T3, Lê Văn T4, Bùi Đức H1, Trần Văn Th, Lê Thanh T cùng một số người dân tiếp tục đuổi theo nhặt gạch đá ném nhiều nhất vào lực lượng Công an. Ngoài ra Trần Văn M còn có hành vi ném vôi bột đã pha nước đựng trong chai nhựa loại 1,5 lít; Lê Văn T4, Lê Thanh T, Nguyễn Văn T3 có hành vi ném bom xăng tự chế (xăng được đựng trong chai thủy tinh, nút chai bằng vải, đã được châm lửa) ném vào lực lượng Công an, dẫn đến một số đồng chí bị thương tích, trong đó đồng chí Ninh Đình Đ, sinh năm 1989, công tác tại phòng PK20, công an tỉnh Thái Nguyên bị đá ném trúng vùng mặt, đồng chí Lương Đình H, sinh năm 1990 công tác tại phòng PK20, công an tỉnh Thái Nguyên bị cháy quần và bị đá ném vào sống mũi gây chảy máu, sưng nề. Đến khoảng 11^h30' cùng ngày thì Công ty than Khánh Hòa đã thực hiện xong việc đóng đường, người dân cũng dừng việc chống đối, lực lượng Công an làm nhiệm vụ trở về đơn vị.

Sau khi sự việc xảy ra 27 đồng chí Công an thi hành nhiệm vụ bị thương, đã đi điều trị tại Bệnh viện, sau đó Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể của các đồng chí.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 276/TgT ngày 28/9/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Nguyên kết luận: Ông Lục Xuân T7 bị gãy cung sau xương sườn 5,6 bên phải, tràn khí khoang màng phổi (p) với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 10%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 275/TgT ngày 28/9/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Nguyên kết luận: Anh Hà Thanh Sơn bị chấn động não, đỉnh đầu có vết sẹo màu nâu kích thước 3 x 0,3cm với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 3%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 297/TgT ngày 10/10/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Nguyên kết luận: Anh Ngô Hồng Anh bị thương ở cẳng tay phải 1/3 dưới trong cẳng tay (P) có vết sẹo màu nâu

nhật kích thước 0,8 x 0,2 cm với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 277/TgT ngày 28/9/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Nguyên kết luận: Anh Vũ T4 Thành vùng đỉnh đầu có 01 vết sẹo màu nâu nhạt kích thước 2,25 x 0,3 cm với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 278/TgT ngày 28/9/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Nguyên kết luận: Anh Nguyễn Văn Khánh vùng môi trên có vết sẹo màu nâu nhạt kích thước 0,7 x 0,4cm; vùng cánh mũi (T) có vết sẹo màu nâu nhạt kích thước 0,3 x 0,2cm với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 04%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 309/TgT ngày 17/10/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Nguyên kết luận: Anh Nguyễn Mạnh A sẹo vùng cằm (T) màu nâu nhạt kích thước 1 x 0,5cm với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 313/TgT ngày 17/10/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Nguyên kết luận: Anh Nguyễn Xuân K sẹo cẳng chân (T) màu nâu nhạt kích thước 0,5 x 0,5 cm với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 308/TgT ngày 17/10/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Nguyên kết luận: Anh Lương Đình H bị thương gãy xương C mũi; vùng sống mũi có vết sẹo màu nâu nhạt kích thước 1 x 0,1cm với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 11%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 312/TgT ngày 17/10/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Nguyên kết luận: Anh Nguyễn Bảo Tr 1/3 trước dưới cẳng chân trái có vết sẹo màu nâu nhạt kích thước 1,5 x 0,6cm với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 279/TgT ngày 28/9/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Nguyên kết luận: Anh Lê Xuân T6 bị đa vết thương hàm mặt; gãy ngang thân răng 44, 45 trong miệng vùng má phải có vết sẹo màu nâu nhạt kích thước 2,5 x 0,2cm; mặt ngoài vùng má phải có vết sẹo màu nâu nhạt, lõm, lõm xấu ảnh hưởng đến thẩm mỹ kích thước 3 x 0,3cm với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 12%.

Ngoài ra còn một số đồng chí công an bị thương nhưng từ chối giám định sức khỏe.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 56 ngày 24/8/2018 Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, quyết định:

Tuyên bố: Trần Văn Nh phạm tội “Giữ người trái pháp luật” và tội “Chống người thi hành công vụ”.

Các bị cáo Lê Văn T1, Lê Thanh T, Lê Văn T4, Nguyễn Văn T3, Đặng Văn H3, Trình Văn Ch, Trần Trung H2, Phạm Văn An, Trình Văn Cg, Nguyễn Văn T6, Lê Văn C, Trình Văn L, Liễu Văn H, Lục Văn P, Trương N B, Trần Văn M, Dương Lương T2, Trần Anh N, Lê Thanh T5, Bùi Đức H1 phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 123, khoản 1 Điều 257, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với tội “Chống người thi hành công vụ”); Điều 50; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Trần Văn Nh 36 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”; 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 45 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 25; điểm h, p khoản 1 Điều 46 (bị cáo Ng không được hưởng điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999); Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt các bị cáo:

- Trần Văn M 18 tháng tù.
- Trần Anh N 15 tháng tù.
- Lê Văn T4 15 tháng tù.
- Trình Văn Ch 15 tháng tù
- Lê Thanh T 15 tháng tù
- Nguyễn Văn T3 15 tháng tù
- Lê Văn T1 15 tháng tù
- Phạm Văn An 12 tháng tù
- Lê Văn C 12 tháng tù
- Đặng Văn H3 12 tháng tù
- Lục Văn P 12 tháng tù
- Nguyễn Văn T6 12 tháng tù
- Dương Lương T2 12 tháng tù
- Liễu Văn H 09 tháng tù.
- Trương N B 09 tháng tù
- Trình Văn Cg 09 tháng tù
- Lê Thanh T5 09 tháng tù
- Bùi Đức H1 09 tháng tù
- Trần Trung H2 09 tháng tù
- Trình Văn L 09 tháng tù

Thời hạn chấp hành hình phạt tù đều tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định xử phạt các bị cáo Đặng Văn Th, Trình Văn T, Phạm Trung H, Đặng Hồng Kh, Đặng Hồng K, Phạm Xuân L, Nguyễn Xuân S, Trình Văn N, Trình Hồng S mỗi bị cáo 12 tháng tù cho hưởng

án treo 24 tháng thử thách; Các bị cáo Lê Xuân Ngh (Lê Văn C), Lê Văn Q (Qu), Trần Thị S, Dương Văn Th, Nguyễn Thị M, Đặng Văn Thc, Nguyễn Văn C mỗi bị cáo 09 tháng tù cho hưởng án treo, 18 tháng thử thách; quyết định xử lý vật chứng; buộc các bị cáo chịu án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/8/2018 bị cáo Lê Văn T1 kháng cáo xin cải tạo tại địa P.

Ngày 24/8/2018 bị cáo Lê Văn T4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bổ sung kháng cáo xin cải tạo tại địa phương.

Ngày 27/8/2018 bị cáo Trần Văn M kháng cáo xin cải tạo tại địa phương.

Ngày 28/8/2018 các bị cáo Nguyễn Văn T3; Trình Văn Ch; Lê Thanh T kháng cáo xin cải tạo tại địa phương.

Ngày 28/8/2018 các bị cáo Phạm Văn An; Trình Văn Cg; Lê Văn C kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 28/8/2018 các bị cáo Trình Văn L; Liễu Văn H; Lục Văn P; Trương N B; Dương Lương T2; Đặng Văn H3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bổ sung kháng cáo xin cải tạo tại địa phương.

Ngày 29/8/2018 bị cáo Nguyễn Văn T6 kháng cáo xin cải tạo tại địa phương.

Ngày 29/8/2018 bị cáo Trần Văn Nh kháng cáo kêu oan tội giữ người trái pháp luật, xin giảm hình phạt về tội “ Chống người thi hành công vụ”.

Ngày 29/8/2018 bị cáo Lê Thanh T5 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bổ sung kháng cáo xin cải tạo tại địa phương.

Ngày 30/8/2018 bị cáo Trần Anh N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. bổ sung kháng cáo xin cải tạo tại địa phương.

Ngày 04/9/2018 bị cáo Trần Trung H2 kháng cáo xin cải tạo tại địa phương.

Ngày 04/9/2018 bị cáo Bùi Đức H1 kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo gi ữ nguyên nội dung kháng cáo cũng như nội dung bổ sung kháng cáo, đồng thời các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Phần kết luận tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất vụ án, nhân thân, mức độ tham gia, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, các vấn đề liên quan đến kháng cáo của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn Nh về tội “Giữ người trái pháp luật” là đúng người, đúng tội, không oan. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo, y án sơ thẩm đối với các bị cáo Trần Văn Nh, Trình Văn Ch, Trần Văn M, Phạm Văn

A, Đặng Văn H3, Trần Anh N, Lê Thanh T, Lê Văn T1, Nguyễn Văn T3, Lê Văn T4.

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo cải tạo tại địa phương của các bị cáo: Lê Văn C, Lục Văn P, Nguyễn Văn T6, Dương Lương T2, Trương Ngọc B, Lê Thanh T5; Trần Trung H2; Trình Văn L, Liễu Văn H; Trình Văn C; Bùi Đức H1; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chuyển 12 tháng tù giam sang 12 tháng tù cho hưởng án treo 24 tháng thử thách đối với các bị cáo: Lê Văn C, Lục Văn P, Dương Lương T2, Nguyễn Văn T6; chuyển 09 tháng tù giam sang 09 tháng tù cho hưởng án treo 18 tháng thử thách đối với các bị cáo: Trương Ngọc B, Trình Văn C, Lê Thanh T5, Bùi Đức H1, Trần Trung H2, Trình Văn L, Liễu Văn H.

Bị cáo A: Kết luận của Viện kiểm sát là quá nặng đối với bị cáo, về tiền sự của bị cáo thì đã quá lâu rồi, bị cáo đã xin đi bộ đội để rèn luyện bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Luật sư Nguyễn Thị Ngọc A bào chữa cho bị cáo Phạm Văn A: (tóm tắt) Luật sư phân tích nguyên nhân dẫn đến các bị cáo phạm tội là do việc bồi thường không thỏa đáng, không đúng quy định của pháp luật, cưỡng chế không thông báo cho người dân và ngay cả trưởng xóm cũng không biết; chưa đủ căn cứ để khẳng định công an đang đi thi hành công vụ, nên không đủ căn cứ khẳng định các bị cáo chống người thi hành công vụ; kết luận của Viện kiểm sát chưa xem xét hết tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo vẫn áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo là chưa đảm bảo quyền L cho bị cáo, luật sư nêu Nghị quyết 41 của Quốc Hội; Nghị quyết số 02 ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo An chỉ có hành vi ném đá ở 3 địa điểm, ném khoảng 4 viên, chưa gây thương tích cho bất cứ đồng chí công an nào, bị cáo chấp hành tốt chủ trương C sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, tiền sự của bị cáo đã 10 năm, lỗi trong vụ án phần lớn là do vi phạm của những người thi hành công vụ, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là Mỏ than Khánh Hòa và địa phương xin cho bị cáo, việc cho bị cáo hưởng án treo không làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự địa P, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo; nếu làm đúng trong vụ án này đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, Hủy toàn bộ vụ án điều tra lại làm rõ quá trình thu hồi đất của người dân để xét xử khách quan ra bản án người dân tâm phục khẩu phục.

Viện kiểm sát: Trong vụ án này để có được đoàn công tác của công an tỉnh đến làm trật tự thì đã được thể hiện qua các Quyết định 8424 của UBND tỉnh, Quyết định số 2300/ UBND tỉnh Thái Nguyên giải quyết đóng đường dân sinh qua bãi TH1 Tây để phục vụ sản xuất của Công ty than Khánh Hòa do chủ tịch

tỉnh ký, UBND huyện và Mỏ than Khánh Hòa đã gặp bà con xóm Làng N1 để đối thoại thể hiện tại biên bản ngày 16/7/2016, có biên bản công khai niêm yết phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng thể hiện tại biên bản ngày 27/10/2016; lần đầu đoàn công tác của Mỏ xuống thi công thì dân đã lập lán trại không cho thi công, các cơ quan của huyện, tỉnh đã xác minh, xây dựng kế hoạch đảm B an ninh trật tự, làm thủ tục đầy đủ với xóm, xã, đã thông báo đến C quyền xã, báo cáo Công an tỉnh, UBND tỉnh, Tỉnh ủy và Tỉnh ủy đã chỉ đạo; một số hộ đã chuẩn bị thùng ong, chai xăng để chống đối; chủ yếu lực lượng chức năng chốt các chặng đường để không cho dân vào không pH1 cưỡng chế mà là để đảm B an ninh trật tự vì đã có kế hoạch chủ trương chung từ trước, đây là hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước; bị cáo phạm tội manh động a dua, do tập chung đông người chống đối nên lực lượng chức năng đã pH1 dùng quả khói trấn an việc bạo động; Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 đều có mức hình phạt tương đồng, các bị cáo phạm tội năm 2017 nên xử theo Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng quy định pháp luật; Nghị quyết số 02/02-5-2018 Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về Điều 65 Bộ luật hình sự, nhưng nhân thân bị cáo đã có tiền sự, tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo An không đủ điều kiện cho hưởng án treo.

Luật sư: Không đồng ý và cho rằng tại Điều 257 Bộ luật hình sự quy định rất rõ cản trở người thi hành công vụ, thực hiện công vụ là gì? 4 giờ 30 phút thì lực lượng công an đã kéo đến, không thông báo cho người dân đây là trách nhiệm thuộc cơ quan nhà nước (luật sư trình bày Điều 71 luật đất đai, Nghị quyết số 02 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 3 Bộ luật hình sự năm 2015).

Viện kiểm sát: Người dân quá biết vì trước đó đã dựng lán trại trước mấy ngày.

* Bị cáo M: Đề nghị xem xét về hành vi của bị cáo lý do gì hành vi của bị cáo cũng như các bị cáo khác mà không được hưởng lượng khoan hồng.

Viện kiểm sát: Do hành vi của bị cáo quyết liệt dùng cả cH với bột trộn nước ném vào lực lượng công an tính nguy hiểm cao.

* Bị cáo H3: Không tranh luận nhờ luật sư bào chữa

* Luật sư Nguyễn Thị Ngọc A bào chữa cho bị cáo Hùng: Cơ bản lời bào chữa như đã trình bày tại phần bào chữa cho bị cáo An thì cũng là lời bào chữa cho bị cáo Hùng. Tuy nhiên bị cáo Hùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đó là C quyền địa phương B lãnh, bị cáo nhận tội, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo

Viện kiểm sát: Như đã phân tích hành vi phạm tội của bị cáo quyết liệt, không có căn cứ để cho bị cáo hưởng án treo.

Luật sư không nhất trí ý kiến của Viện kiểm sát vì bị cáo ném 27 viên có trúng hay không trúng thì không chứng minh được Viện kiểm sát suy diễn.

Viện kiểm sát: Từ việc các bị cáo nhận tội kết hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập như video clip chứ không phải PH1 là suy đoán.

Luật sư: Tôi không nói là các bị cáo không phạm tội nhưng các tài liệu trong hồ sơ chưa khẳng định được lỗi của các lực lượng chức năng đến đâu và của các bị cáo đến đâu.

* Bị cáo T: Bị cáo muốn làm rõ bị cáo và nhân dân không được thông báo về việc cưỡng chế đóng đường dân sinh của xóm, đề nghị xét xử đúng người đúng tội.

Viện kiểm sát: Khi ra đến đường bị cáo đã thấy lực lượng công an làm nhiệm vụ, bị cáo không những cầm đá ném mà còn cầm chĩa súng chĩa lửa ném về phía lực lượng công an.

* Bị cáo T1: Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo 15 tháng tù là quá nặng, bị cáo có ném vài viên đá nhưng chưa xác minh được là trúng ai; bị cáo phạm tội thuộc tội phạm không nguy hiểm, bị cáo lần đầu phạm tội, hoàn thành tốt nghĩa vụ công dân, ăn năn hối cải, khai tất cả các lỗi của mình; ngày 16/8/2017 dân không được thông báo, cả trưởng xóm Chu Phú B cũng không được biết, công an đã đàn áp người dân.

Viện kiểm sát: Đây là lực lượng chức năng xuống để đảm bảo an ninh trật tự cho mỏ than Khánh Hòa thì công không phải là đàn áp, trước đó bị cáo đã cùng một số người dân dựng lán trại chống đối không cho mỏ than Khánh Hòa thi công.

Bị cáo T1: Bị cáo thành khẩn, bị cáo bị người dân đưa ra đẩy dựng lán, bị cáo không biết dựng lán để làm gì, bản cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Đại Từ cũng đã không xem xét đến vấn đề này nhưng tại sao bản án huyện Đại Từ lại nhận định việc đó.

Viện kiểm sát: Tòa án nhân dân huyện Đại Từ nêu toàn bộ diễn biến hành vi của bị cáo chỉ quy kết bị cáo về hành vi ném đá vào lực lượng công an.

* Bị cáo Ngọc: Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo là quá nặng, Viện kiểm sát không tìm hiểu nguyên nhân tại sao bị cáo phạm tội để xem xét giảm nhẹ tội cho bị cáo.

Viện kiểm sát: Hành vi của bị cáo đã rõ, bị cáo đã nhận đầy đủ, lý do bị cáo không được hưởng án treo là do nhân thân bị cáo đã từng bị xét xử về tội “Cướp tài sản”.

Bị cáo Ngọc: Bị cáo không mong được hưởng án treo, nhưng đề nghị xem xét được giảm án cho bị cáo.

* Bị cáo T3: Không tranh luận gì.

* Bị cáo T4: Không tranh luận gì.

* Bị cáo Ch: Bị cáo có hành vi chống đối nhưng đề nghị xem xét cho bị cáo do bị cáo bị gãy xương sườn ở nhà, không chống đối từ lúc đầu. Do bố bị cáo bị nhốt trong quán bán hàng của gia đình, do sợ xảy ra hỏa hoạn bố bị cáo gọi bị cáo mới ra, bản thân bị cáo từ trước đến nay sống lương thiện, không vi phạm pháp luật lần nào, C quyền địa phương có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề nghị cho bị cáo cải tạo tại địa phương.

Viện kiểm sát: Bị cáo đã chuẩn bị bột cao su, dùng bột cao su bắn đá rồi ném đá, so với bị cáo khác hành vi của bị cáo nguy hiểm hơn.

Bị cáo Ch: Bị cáo không chuẩn bị bột cao su từ đầu mà do con bị cáo đưa, bị cáo đã nộp bột cao su này cho cơ quan điều tra.

*Các bị cáo C, P, T2, T6, B, T5, H1, H2, L, Cg và H đều không tranh luận gì.

*Bị cáo Nh: Bị cáo thừa nhận có hành vi chống người thi hành công vụ, là gia đình có công xin được cải tạo tại địa phương; còn đối với tội giữ người trái pháp luật bị cáo giúp người chứ không giữ người, đề nghị Hội đồng xét xử minh oan cho bị cáo.

*Luật sư Lê Quang N bào chữa cho bị cáo Nh: (tóm tắt) Vụ án có 40 bị cáo bị truy tố xét xử tội chống người thi hành công vụ, luật sư đồng tình với quan điểm của luật sư đồng nghiệp đã trình bày, lý do tại sao cả làng cả xóm chống người thi hành công vụ, có nguyên nhân chủ quan và khách quan, đây là điều cần cân nhắc xem xét. Các bị cáo không có nghĩa vụ nhận tội và chứng minh mình có tội; đối với tội chống người thi hành công vụ của bị cáo Nh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo vì bị cáo có ông nội được tặng thưởng huân chương, chú ruột là liệt sĩ, bác ruột là thương binh, gia đình đang thờ cúng liệt sĩ đề nghị cho bị cáo hưởng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; về nguyên nhân phạm tội đồng tình quan điểm với luật sư Ngọc A vì đang có tranh chấp đất giữa người dân xóm làng N1 với mỏ than Khánh Hòa chưa xong, người dân chưa nhất trí nên không thể thu hồi được; Công ty than Khánh Hòa vi phạm cam kết, Ủy ban nhân dân xã An Khánh vi phạm người dân bất bình, đã có quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ nhưng chính quyền xã không thực hiện, lợi ích của người dân bị xâm hại nên họ chống lại, đây là nguyên nhân dẫn đến xung đột; Như Viện kiểm sát đã nêu các cơ quan có thẩm quyền có triển khai nhưng chỉ triển khai đến các ông đó thôi, việc đó được chứng minh rõ ràng vào ngày 16/8/2017 chính ông trưởng xóm cũng không biết việc lực lượng công an đến cưỡng chế dân cũng không biết, người dân có rất nhiều thành tích là đã hiến đất để làm đường, như vậy về mặt chính trị không ổn; tổ chức cưỡng chế không công khai minh bạch, tổ chức từ 4 giờ 30 phút làm như việc du kích ngày xưa, một nhà nước do dân vì dân như vậy không ổn, có nhất thiết phải đưa họ ra xét xử không, cần phải khoan hồng với họ, việc sai là do chính

quyền làm không đúng, cần xem người nào là vai trò chủ mưu thì trừng trị thôi; Đối với tội giữ người trái pháp luật bị cáo có thừa nhận, có khóa cửa khi quay lại ông T7 đã ra rồi, mục đích khóa cửa để người dân không đánh ông T7, chính ông B cũng nói lúc ông ra nhà văn hóa rất đông người ông cũng không len vào được, (công bố lời khai của bà Sáu, chị Nh, chị Nhg về việc không nhìn thấy nhốt ông T7) do đó lời khai này là có căn cứ chấp nhận; Lời khai của ông T7 tiền hậu bất nhất, lời khai ban đầu không biết ai là người giữ mình, nhưng ra tòa lại nói đúng là Nh, ông T7 mặc thường phục như vậy không đúng theo quy định tại Thông tư 17 phải từ Giám đốc công an tỉnh trở lên mới được quyết định, như vậy ông T7 không thể thi hành công vụ được; Về việc giữ người trái pháp luật còn có 02 người bắt, trói, người lấy điện thoại nhưng họ đều vô can, ông B là người mở cửa nhà văn hóa, nhà để xe tang, ông B biết mở nhà văn hóa, nhà để xe tang để nhốt ông T7 nhưng vẫn mở, như vậy ông B cũng là đồng phạm, từ đó chưa đủ căn cứ buộc tội đối với Nh về hành vi giữ người trái pháp luật và bỏ lọt tội phạm đề nghị hủy án để điều tra lại.

Viện kiểm sát: Về nguyên nhân điều kiện như không niêm yết, không thông báo thì đã tranh luận với luật sư A. Trước đó vào ngày 16/7/2016 thì đã có cuộc đối thoại với người dân có biên bản và ngày 27/10/2016 Biên bản công khai niêm yết, đoàn công tác đến làm việc đã có kế hoạch, có chỉ đạo việc thực hiện là đúng (Viện kiểm sát trích báo cáo của Ủy ban nhân dân xã). Còn đối với việc mặc thường phục của ông T7 đã có kế hoạch 204 ngày 14/8/2017 do ông Nguyễn Như T giám đốc công an tỉnh Thái Nguyên phê duyệt (tổ chức lực lượng, hóa trang để tìm ra đối tượng cầm đầu, chủ mưu); tuy lời khai của ông T7 có sai sót về thời gian nhưng tựu chung ông T7 đều xác nhận bị cáo Nh là người giữ ông T7; bị cáo đẩy ông T7 vào nhà để xe tang khóa lại giữ chìa khóa nên tội phạm đã hoàn thành; do người dân không dám khai rõ nên chưa đủ căn cứ xem xét như luật sư nêu, vụ án đang tiếp tục điều tra để xử lý, kêu gọi bà con biết ai là người lấy điện thoại của ông T7 và ai là người đánh ông T7 thì làm đơn tố cáo.

Bị cáo Nh: Đồng chí T7 hoàn toàn vu khống, lúc đầu đồng chí T7 nói không nhìn rõ ai bắt.

Luật sư N: Viện kiểm sát đối đáp chưa thỏa đáng, có đưa ra một số văn bản luật sư không phủ nhận, việc công khai cưỡng chế không thông báo cho người dân, không thực hiện cam kết nên người dân phản ứng.

Lời nói sau cùng:

Bị cáo Nh: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét M oan cho bị cáo về tội Giữ người trái pháp luật và cho bị cáo được hưởng an treo ở tội Chống người thi hành công vụ.

Bị cáo M, bị cáo N, bị cáo T3: Xin được giảm nhẹ mức hình phạt.

Bị cáo A, H3, T1, T4, Ch, C, P, T2, T6, B, T5, H, H1, H2, L, Cg, B: Rất ân hận với việc mình làm và đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ngày 04/10/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhận được văn bản số 68 ngày 13/9/2018 của Đảng ủy xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, trong phong bì của Đảng ủy xã gồm rất nhiều đơn bổ sung kháng cáo của các bị cáo trong đó có đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn N và Lê Văn Th, quá trình nghiên cứu hồ sơ thì thấy các bị cáo không có đơn kháng cáo gửi tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, do đó Tòa án nhân dân huyện Đại Từ ra thông báo kháng cáo không có nội dung kháng cáo của các bị cáo, quá trình xem xét đơn kháng cáo của hai bị cáo thấy hai đơn này không phải do hai bị cáo viết, sau khi xác minh tại Trại giam Phú Sơn 4 nơi các bị cáo đang thi hành bản án, hai bị cáo có trình bày sau khi xét xử sơ thẩm xong các bị cáo đều không có đơn kháng cáo. Do đó Hội đồng xác định hai bị cáo không kháng cáo.

Tại phiên tòa ngày 16/01/2019 Hội đồng xét xử nhận được đơn mời luật sư của bị cáo Trần Văn Nh mời luật sư Nguyễn Thị Ngọc A bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa ngày 16 và ngày 17/01/2019. Trước đó tại phiên tòa ngày 27/12/2018 Hội đồng xét xử đã giải thích rất đầy đủ về thủ tục quyền mời người bào chữa của các bị cáo. Sau khi thảo luận tại chỗ Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị cáo Trần Văn Nh.

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Văn Nh, Lê Văn T1, Lê Thanh T, Lê Văn T4, Nguyễn Văn T3, Đặng Văn H3, Trình Văn Ch, Trần Trung H2, Phạm Văn An, Trình Văn Cg, Nguyễn Văn T6, Lê Văn C, Trình Văn L, Liễu Văn H, Lục Văn P, Trương N B, Trần Văn M, Dương Lương T2, Trần Anh N, Lê Thanh T5, Bùi Đức H1 làm trong hạn luật định được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình lời khai nhận tội của các bị cáo là khách quan phù hợp với biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm, sơ đồ hiện trường, bản ảnh, vật chứng thu giữ, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định pháp y về thương tích của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh Thái Nguyên và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Trong khoảng thời gian từ 04 giờ 30 phút đến 08 giờ ngày 16/8/2017 tại khu vực xóm N1, xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên, trong khi lực lượng công an huyện Đại Từ phối hợp với các phòng, ban của huyện Đại Từ, xã An Khánh và các lực lượng nghiệp vụ của công an tỉnh Thái Nguyên đang thực hiện nhiệm

vụ bảo đảm an ninh trật tự đóng đường dân sinh cũ qua bãi thải Tây của mỏ than Khánh Hòa và thi công hàng rào bao quanh khu vực bãi thải Tây thì nhiều người dân xóm và đối tượng sau đã có hành vi chống đối ngăn cản lực lượng chức năng thi hành nhiệm vụ cụ thể như sau:

Trần Văn Nh, Liễu Văn H, Trần Thị S, Trình Văn Cg, Nguyễn Văn T3, Lê Văn T4, Đặng Văn Th, Trần Anh N, Lê Văn N, Trần Văn Th, Đặng Hồng Kh, Phạm Xuân L1, Trình Văn L, Đặng Hồng K, Đặng Văn H3, Phạm Trung H, Bùi Đức H1, Trương Ngọc B, Phạm Văn A, Bùi Văn Ph, Lục Văn P, Lê Văn Q, Nguyễn Xuân S, Lê Thanh T, Trình Văn T, Lê Thanh T5, Nguyễn Văn T6, Dương Văn Th, Lê Văn Th1, Nguyễn Văn Cg, Lê Văn C, Trần Trung H2, Nguyễn Thị M, Trần Văn M, Trình Văn Nam, Lê Xuân Ngh, Trình Hồng S, Đặng Văn Th, Dương Lương Th đã dùng gạch đá ném nhiều nhất vào đầu, mặt và người của lực lượng công an, Trình Văn Ch dùng bật cao su bắn nhiều đá vào phía lực lượng công an. Ngoài ra Lê Văn T4, Lê Thanh T, Nguyễn Văn T3 có hành vi ném bom xăng tự chế, đã được châm lửa vào lực lượng công an, làm cho các đồng chí Lê Xuân T6, Lương Đình H, Nguyễn Văn Kh, Hà Thanh S, Vũ T4 Th, Nguyễn Mạnh A, Nguyễn Xuân K, Ngô Hồng A, Nguyễn B Tr, Trần Văn D, Phan Thanh H, Dương Văn D, Đặng Văn Kh, Nguyễn Văn G, Nguyễn Quốc Th, Nguyễn Đức T, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Quốc Thê A, Lê T4 N, Dương Thê P, Nguyễn Trường Gi, Ninh Đình Đ, Ngô Tiến S, Nguyễn Anh T4, Đặng Đức V, Dương Viết Tr (đều là cán bộ chiến sỹ của công an huyện Đại Từ và của các phòng nghiệp vụ của công an tỉnh Thái Nguyên) đều bị thương, ngoài ra đồng chí Lương Đình H còn bị cháy quần áo đang mặc cùng chiếc khiên dùng làm lá chắn bảo vệ. Hậu quả đồng chí Lê Xuân T6 bị tổn hại 12% sức khỏe, đồng chí Hà Thanh S bị tổn hại 03% sức khỏe, đồng chí Ngô Hồng A bị tổn hại 01 % sức khỏe, đồng chí Vũ T4 Th bị tổn hại 03% sức khỏe, đồng chí Nguyễn Văn Kh bị tổn hại 04% sức khỏe, đồng chí Nguyễn Mạnh A bị tổn hại 03% sức khỏe, đồng chí Nguyễn Xuân K bị tổn hại 02% sức khỏe, đồng chí Lương Đình H bị tổn hại 11% sức khỏe, đồng chí Nguyễn B Tr bị tổn hại 01% sức khỏe, các đồng chí Trần Văn D, Phan Thanh H, Dương Văn D không bị tổn hại % sức khỏe nào. Còn các đồng chí còn lại từ chối giám định sức khỏe.

Ngoài ra khi đồng chí Lục Xuân T7 đang thi hành nhiệm vụ nắm bắt tình hình người dân tại khu vực nhà văn hóa xóm N1, xã AK, huyện ĐT thì bị một số đối tượng bắt và đánh đập gây tổn hại sức khỏe 10 % cơ thể, rồi đẩy đồng chí T7 vào nhà để xe tang của xóm N1. Sau đó, Trần Văn Nh đã có hành vi dùng chìa khóa, khóa cửa nhà để xe tang nhốt đồng chí T7 trong đó.

Với hành vi trên Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử bị cáo Trần Văn Nh về tội “Giữ người trái pháp luật” theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 257 Bộ luật hình sự năm 1999; Các bị cáo Lê Văn T1, Lê Thanh T, Lê Văn

T4, Nguyễn Văn T3, Đặng Văn H3, Trình Văn Ch, Trần Trung H2, Phạm Văn An, Trình Văn Cg, Nguyễn Văn T6, Lê Văn C, Trình Văn L, Liễu Văn H, Lục Văn P, Trương N B, Trần Văn M, Dương Lương T2, Trần Anh N, Lê Thanh T5, Bùi Đức H1 về tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 257 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với hành vi chống người thi hành công vụ của bị cáo Nh và các bị cáo trong vụ án đã xâm phạm trực tiếp hoạt động bình thường, đúng đắn, làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính của người thi hành công vụ nói riêng, của cơ quan nhà nước nói chung, hành vi phạm tội của các bị cáo phải xét xử nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự để cải tạo giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Văn Nh về tội “Giữ người trái pháp luật: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ, phúc thẩm hôm nay bị cáo Nh đều thừa nhận sau khi mọi người bắt ông T7 công an huyện Đại Từ làm con tin đẩy ông T7 vào nhà để xe tang thì bị cáo là người trực tiếp khóa cửa và là người cầm chìa khóa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của ông T7 đã khai C ông nhìn thấy Nh là người đưa ông vào nhà để xe tang khóa cửa nhốt ông T7 trong đó, sau đó ông T7 đã tự trốn thoát ra ngoài, cùng lời khai của ông B “Họ yêu cầu tôi mở cửa để nhốt người công an đó, tôi nói bà con bắt tôi mở thì tôi mở, tôi không khóa, sau đó anh Nh bảo đưa chìa khóa đây, tôi đưa chìa khóa cho anh Nh, anh Nh khóa cửa cầm chìa khóa” bị cáo Nh là người không có thẩm quyền, không có chức năng hoạt động của nhà nước và không phải trường hợp phạm tội quả tang hoặc đang có lệnh truy nã thì đều cấu thành tội này, bị cáo Nh là công dân nhưng đã có hành vi đưa ông T7 vào nhà để xe tang rồi C bị cáo là người khóa cửa giữ chìa khóa, ông T7 là người đang thi hành công vụ do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Giữ người trái pháp luật” theo điểm c khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội không oan. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn Nh đã xâm phạm đến thân thể, quyền tự do, uy tín chính trị, danh dự của công dân được pháp luật bảo vệ. Mức hình phạt 36 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp.

Xét kháng cáo của bị cáo về tội “Chống người thi hành công vụ”: bị cáo là người đã trực tiếp ném đá vào lực lượng thi hành công vụ, sau đó còn nhặt đá để các đối tượng khác thực hiện hành vi, bị cáo thực hiện hành vi rất tích cực, mặc dù tại phiên tòa Đảng ủy xã An Khánh có văn bản đề nghị cho bị cáo hưởng khoan hồng, tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu bị cáo có ông nội là người có công với Tổ quốc được tặng thưởng Huân Huy chương kháng chiến, có bác là thương binh, chú là liệt sỹ, tuy nhiên với quy định tại Nghị quyết 02/NQ-HĐTP ngày 17/02/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên bị cáo không được hưởng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Với hành vi

phạm tội của bị cáo thấy cần giữ nguyên mức hình phạt như cấp sơ thẩm đã xét xử.

Xét kháng cáo xin cải tạo tại địa phương của bị cáo Trần Văn M: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và trực tiếp là lực lượng thi hành công vụ, bị cáo đã ném đá sau đó còn dùng vôi bột rắc trong chai ném điều đó thể hiện tính nguy hiểm cao, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét vai trò của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo xét xử bị cáo 18 tháng tù là đã có phần xem xét, nên không có căn cứ xem xét theo nội dung kháng cáo của bị cáo.

Xét kháng cáo xin cải tạo tại địa phương của bị cáo Lê Thanh T, Lê Văn T4, Nguyễn Văn T3 là những đối tượng thực hiện hành vi quyết liệt mang tính nguy hiểm cao, các bị cáo là người trực tiếp ném đá, sau đó còn dùng chai đựng xăng ném lực lượng thi hành công vụ, mặc dù tại phiên tòa hôm nay Đảng ủy xã An Khánh có văn bản đề nghị xem xét cho các bị cáo hưởng khoan hồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét vai trò, mức độ hành vi của các bị cáo xét xử mỗi bị cáo 15 tháng tù là cần thiết có như vậy mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo Trình Văn Ch: Bị cáo là người thực hiện hành vi tích cực, ném đá, nhặt đá cho người khác thực hiện hành vi phạm tội là người dùng bột cao su bắn vào lực lượng thi hành công vụ tính nguy hiểm cao, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo được Đảng ủy xã An Khánh có văn bản xin khoan hồng cho bị cáo. Xét mức độ hành vi thực hiện của bị cáo Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn T1: Bị cáo là người cùng một số người khác dựng lán trước đó để ngăn cản hoạt động của công ty than Khánh Hòa, là người trực tiếp ném đá và sau khi lực lượng thi hành công vụ rút bị cáo vẫn tiếp tục ném đá. Đảng ủy xã An Khánh cũng có công văn xin mở lượng khoan hồng cho bị cáo, nhưng với vai trò tích cực của bị cáo thì mức hình phạt 15 tháng tù cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là cần thiết. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo.

Xét kháng cáo xin cải tạo tại địa phương của bị cáo Trần Anh N: Bị cáo là người trực tiếp ném đá, sau đó còn châm lửa vào CH xăng ném vào lực lượng thi hành công vụ, nhân thân bị cáo đã có tiền án, nhà nước đã mở lượng khoan hồng cho bị cáo, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội, mặc dù Đảng ủy xã An Khánh có văn bản xin mở lượng khoan hồng cho bị cáo, tuy nhiên mức hình phạt 12 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là cần thiết, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Xét kháng cáo của bị cáo Đặng Văn H3, Phạm Văn A: Bị cáo Hùng là người thực hiện hành vi quyết liệt ném nhiều đá, sau khi lực lượng thi hành công vụ rút bị cáo vẫn tiếp tục ném đá, đối với bị cáo A là người ném đá và cầm chai xăng mặc dù bị cáo khai không ném vào lực lượng thi hành công vụ mà ném

xuống ruộng nhưng không có căn cứ, bị cáo A nhân thân năm 2008 đã có tiền sự. Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm. Cả hai bị cáo cũng được Đảng ủy xã An Khánh xin cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng. Với vai trò và độ quyết liệt của hành vi các bị cáo đã phạm tội cần giữ nguyên mức hình phạt 12 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với hai bị cáo.

Xét kháng cáo của các bị cáo: Lê Văn C, Lục Văn P, Dương Lương T2, Nguyễn Văn T6, Lê Thanh T5, Bùi Đức H1, Trình Văn Cg, Trương Ngọc B, Trần Trung H2, Trình Văn L, Liễu Văn H Hội đồng xét xử thấy trong vụ án này các bị cáo tham gia có mức độ, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Công ty than Khánh Hòa có văn bản đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đều được Đảng ủy xã An Khánh có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xem xét mở lượng khoan hồng cho các bị cáo. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, với mức độ hành vi tham gia của các bị cáo. Xét toàn diện vụ án và trong vụ án cụ thể này Hội đồng xét xử thấy không cần cách ly xã hội đối với các bị cáo, cho các bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của C quyền địa phương cũng đủ tính răn đe giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng trong pháp luật nhà nước ta tu dưỡng rèn luyện trở thành người công dân có ích cho gia đình xã hội.

Đối với vấn đề luật sư cho rằng bỏ lọt hành vi giữ người trái pháp luật của ông Chu Phú B căn cứ vào lời khai của ông B và các tài liệu khác được thu thập trong hồ sơ thì không đủ căn cứ.

Về hành vi cố ý gây thương tích thì hiện nay cơ quan điều tra đã tách ra tiếp tục điều tra xử lý sau; Về hành vi lấy điện thoại của ông T7 sau khi ông T7 đã bị đánh, với tài liệu chứng cứ trong hồ sơ chưa xác định được ai, tuy nhiên về hành vi này Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét lại.

Đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, như phân tích trên hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của các luật sư.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn Nh, Trần Văn M, Lê Văn T1, Lê Thanh T, Lê Văn T4, Nguyễn Văn T3, Đặng Văn H3, Trình Văn Ch, Trần Anh N, Phạm Văn A. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 56 ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên về hình phạt

đối với các bị cáo Trần Văn Nh, Trần Văn M, Lê Văn T1, Lê Thanh T, Lê Văn T4, Nguyễn Văn T3, Đặng Văn H3, Trình Văn Ch, Trần Anh N, Phạm Văn A.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Trung H2, Trình Văn Cg, Nguyễn Văn T6, Lê Văn C, Trình Văn L, Lục Văn P, Trương N B, Dương Lương T2, Lê Thanh T5, Bùi Đức H1, Liễu Văn H. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 56 ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đối với các bị cáo Trần Trung H2, Trình Văn Cg, Nguyễn Văn T6, Lê Văn C, Trình Văn L, Lục Văn P, Trương N B, Dương Lương T2, Lê Thanh T5, Bùi Đức H1, Liễu Văn H.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Nh phạm tội “Giữ người trái pháp luật” và tội “Chống người thi hành công vụ”.

Các bị cáo Lê Văn T1, Lê Thanh T, Lê Văn T4, Nguyễn Văn T3, Đặng Văn H3, Trình Văn Ch, Trần Trung H2, Phạm Văn A, Trình Văn Cg, Nguyễn Văn T6, Lê Văn C, Trình Văn L, Liễu Văn H, Lục Văn P, Trương N B, Trần Văn M, Dương Lương T2, Trần Anh N, Lê Thanh T5, Bùi Đức H1 phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 123, khoản 1 Điều 257, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với tội “Chống người thi hành công vụ”; Điều 53; Điều 33; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Trần Văn Nh 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”; 09 (chín) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 45 (bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 257, điểm h, p khoản 1 Điều 46 (bị cáo N không được hưởng điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999); Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt các bị cáo:

- Trần Văn M 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Trần Anh N 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Lê Văn T4 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Lê Văn T1 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Trình Văn Ch 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Lê Thanh T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Nguyễn Văn T3 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Đặng Văn H3 12 (mười H) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Phạm Văn A 12 (mười H) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án

3. Áp dụng khoản 1 Điều 257, điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo:

- Lê Văn C 12 (mười H) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Lục Văn P 12 (mười H) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Nguyễn Văn T6 12 (mười H) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Dương Lương T2 12 (mười H) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Liễu Văn H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Trương N B 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Trình Văn Cg 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Lê Thanh T5 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bùi Đức H1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Trần Trung H2 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Trình Văn L 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Lê Văn C, Lục Văn P, Nguyễn Văn T6, Dương Lương T2, Trương N B, Trình Văn Cg, Lê Thanh T5, Bùi Đức H1, Trần Trung H2, Trình Văn L, Liễu Văn H cho Ủy ban nhân dân xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Lê Văn C, Lục Văn P, Nguyễn Văn T6, Dương Lương T2, Trương N B, Trình Văn Cg, Lê Thanh T5, Bùi Đức H1, Trần Trung H2, Trình Văn L, Liễu Văn H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí . Các bị cáo Trần Văn Nh, Trần Văn M, Lê Văn T1, Lê Thanh T, Lê Văn T4, Nguyễn Văn T3, Đặng Văn H3, Trình Văn Ch, Trần Anh N, Phạm Văn An mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Trình Văn Cg, Nguyễn Văn T6, Lê Văn C, Trình Văn L, Lục Văn P, Trương N B, Dương Lương T2, Trần Trung H2, Lê Thanh T5, Bùi Đức H1, Liễu Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSTỉnhTN; Sở TP;
- TAND H. Đại Từ;
- VKSND H. Đại Từ;
- CA H. Đại Từ;
- UBND xã An Khánh;
- THADS H. Đại Từ;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Thị Lan Phương